

Phụ lục 1

GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH (PHIẾU 2A.HC.ĐTHCSN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng thực hiện phiếu này là các cơ quan thuộc.

- Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp: Quốc hội và các cơ quan Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cơ quan hành pháp: Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; cơ sở hành chính thuộc các cơ quan nói trên;
- Cơ quan tư pháp: Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát;
- Cơ quan thuộc tổ chức Đảng;
- Đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội.

Mỗi đơn vị chỉ thực hiện một phiếu 2A.HC.ĐTHCSN.

Lưu ý:

- Đối với các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sẽ được tổ chức điều tra theo ngành dọc do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đảm nhận.

II. GIẢI THÍCH CÁC CHỈ TIÊU TRONG PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN CƠ SỞ HÀNH CHÍNH

A. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ

A1. THÔNG TIN ĐỊNH DANH

Tên đơn vị: Ghi tên đầy đủ, chính thức theo quyết định thành lập, hoặc các văn bản pháp quy viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu;

Mã số thuế : ghi mã số thuế đơn vị đang sử dụng vào các ô tương ứng. Mã số thuế của đơn vị là mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho đơn vị.

Địa chỉ của đơn vị: Ghi đầy đủ số nhà, tên đường phố/thôn/xóm/ấp/bản, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Số điện thoại liên hệ: Ghi số điện thoại giao dịch của đơn vị. Số điện thoại liên hệ có thể là số cố định hoặc số di động.

Địa chỉ email: Ghi theo số email của bộ phận giao dịch và liên lạc đến đơn vị.

A2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Thông tin về người đứng đầu đơn vị: ghi rõ họ, tên thủ trưởng/người đứng đầu đơn vị (viết bằng chữ in hoa).

- Năm sinh: Ghi theo năm dương lịch
- Giới tính: tích vào ô thích hợp
- Dân tộc: Ghi tên dân tộc theo khai sinh; nếu là người nước ngoài thì chỉ cần ghi “NN”
- Quốc tịch: Ghi quốc tịch hiện tại; nếu có 2 quốc tịch thì ghi quốc tịch thường dùng

(Mã dân tộc, mã quốc tịch ghi theo các Bảng Danh mục dân tộc, Danh mục nước theo quy định. Đơn vị chọn mã thích hợp dựa trên việc xác định dân tộc, quốc tịch từ phần trên).

- Trình độ chuyên môn: ghi theo bằng cấp/chứng nhận hiện có và chỉ chọn 01 trình độ trong 10 trình độ, nếu có hai bằng trở lên thì ghi theo bằng cao nhất. Trường hợp đang học hoặc đã học xong nhưng chưa được nhận bằng và chưa có chứng nhận, thì vẫn phải ghi theo bằng cấp đã có, không được ghi theo bằng chưa được nhận.

2. Loại hình tổ chức của đơn vị

Loại hình tổ chức của đơn vị: Căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị để chọn 01 trong 05 loại hình tổ chức phù hợp của đơn vị, bao gồm:

1. Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (bao gồm Văn phòng Quốc hội và các cơ quan Quốc hội);
2. Cơ quan Tư pháp: Tòa án Nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp;
3. Cơ quan hành pháp: Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; cơ sở hành chính thuộc các cơ quan nói trên;
4. Cơ quan thuộc Tổ chức chính trị (Cơ quan thuộc Đảng cộng sản Việt Nam);
5. Tổ chức chính trị - xã hội.

Loại đơn vị quản lý:

Căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của đơn vị hành chính để chọn 01 loại đơn vị trong số 03 loại đơn vị vào ô thích hợp. Các đơn vị hành chính thuộc một trong các loại đơn vị quản lý sau:

1. Cấp trung ương
2. Cấp tỉnh
3. Cấp xã/phường/đặc khu

3. Ngoài trụ sở chính, đơn vị có địa điểm khác hạch toán phụ thuộc?

Đơn vị lựa chọn Có hoặc Không câu hỏi ngoài trụ sở chính, đơn vị còn có các địa điểm trực thuộc khác không. Các địa điểm trực thuộc đơn vị có thể là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất kinh doanh có hình thức hạch toán kế toán phụ thuộc vào chính đơn vị (hình thức hạch toán ghi sổ/báo sổ).

4. Đơn vị có cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc không?

Cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc đơn vị hành chính là các đơn vị/cơ sở trực thuộc các đơn vị hành chính nhưng:

- Không thực hiện hạch toán vào báo cáo tài chính của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập mà có báo cáo tài chính riêng;
- Được nhà nước cho phép sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách để hoạt động.

A3. THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

5. Biên chế

Ghi Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao thời kỳ 2022-2026 và ghi Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025.

6. Lao động có mặt tại thời điểm 01/01/2025: Ghi tổng số lao động có mặt tại thời điểm 01/01/2025 của đơn vị.

Trong đó, ghi:

6.1. Tổng số lao động nữ.

6.2. Tổng số Cán bộ, công chức.

6.3. Tổng số Người ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

6.4. Tổng số Lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ.

7. Lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2025

Mục I. Lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2025: Ghi tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2025 của đơn vị, trong đó ghi tổng số lao động nữ.

Lưu ý: Đối với một số lao động đến thời điểm điều tra đang nghỉ thai sản, ốm đau hoặc đi làm cho các đơn vị khác theo những hợp đồng phụ nhưng vẫn được hưởng lương hoặc một phần lương của đơn vị thì vẫn được tính trong tổng số lao động của đơn vị.

Mục II. Phân theo loại lao động

Bao gồm các loại lao động: (1) Lao động thuộc biên chế cán bộ, công chức, trong đó tách riêng lao động kiêm nhiệm; (2) Người ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức); (3) Lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ; (4) Đối tượng khác: là đối tượng không thuộc 03 loại trên.

Đối với các cơ quan của Đảng, HĐND, Mặt trận Tổ quốc các cấp, chỉ tiêu “Cán bộ, công chức” (Mã 03) đề nghị tách riêng số “CBCC kiêm nhiệm” (ví dụ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm phó Bí thư Đảng ủy xã).

Mục III Phân theo nhóm tuổi

Căn cứ vào tuổi của người lao động của cơ sở tại thời điểm 31/12/2025 để phân theo các nhóm tuổi phù hợp.

Mục IV Phân theo trình độ chuyên môn

Căn cứ vào bằng cấp cao nhất thực tế đã có của người lao động trong đơn vị để phân cho phù hợp.

Mục V Lao động phân theo ngạch công chức

Căn cứ vào ngạch công chức thực tế đã có của người lao động trong đơn vị để phân cho phù hợp.

8. Các khoản chi liên quan đến người lao động năm 2025 là tất cả các khoản chi bao gồm cả tiền mặt và hiện vật năm 2025 bao gồm Tổng số tiền phải trả người lao động phát sinh trong năm; Tổng số tiền chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (Nếu có); Đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, BHTN..

Trong đó, chia theo các loại:

8.1. Tổng số tiền phải trả CBCC phát sinh trong năm.

Trong đó:

- Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh.
- Các khoản phụ cấp theo chế độ do Nhà nước quy định (gồm: chức vụ, trách nhiệm, thâm niên, ưu đãi nghề, khu vực, thu hút...).
- Thu nhập tăng thêm và các khoản phúc lợi hợp pháp (nếu có) được chi từ nguồn tiết kiệm chi hoặc nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

8.2. Tổng số tiền phải trả người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ công chức và hợp đồng khác

Trong đó:

- Tiền lương.
- Thu nhập tăng thêm và các khoản phúc lợi hợp pháp (nếu có) được chi từ nguồn tiết kiệm chi hoặc nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

8.3. Tổng số tiền phải trả người lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ phát sinh trong năm

8.4. Tổng số tiền chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (Nếu có)

8.5. Đóng góp BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn

A4. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

9. Thông tin về tài sản của đơn vị

1. Đơn vị ghi nguyên giá, hao mòn/khấu hao tài sản đầu kỳ (01/01/2025) và cuối kỳ (31/12/2025) của tài sản cố định.

2. Trị giá hàng tồn kho: Là toàn bộ giá trị hiện có các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị (sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho). Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Hàng tồn kho” là tổng số dư Nợ của Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi trên đường”, Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, Tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”, Tài khoản 154 “Chi phí SXKD, dịch vụ dở dang”, Tài khoản 155 “Sản phẩm”, Tài khoản 156 “Hàng hóa”. Hàng tồn kho ghi hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 và thời điểm 01/01/2025.

3. Xây dựng cơ bản dở dang: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện một dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, hoặc sửa chữa

lớn tài sản cố định nhưng chưa hoàn thành, chưa bàn giao đưa vào sử dụng.

Lưu ý:

- Được tính là TSCĐ của đơn vị khi tài sản có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên, có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên, thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp của đơn vị, được sử dụng vào hoạt động của đơn vị và hạch toán kế toán TSCĐ vào báo cáo tài chính của đơn vị.

- Trường hợp các tài sản đơn lẻ có giá trị dưới 10 triệu đồng được cấu thành một hệ thống có cùng công năng liên kết với nhau, được tính là TSCĐ của đơn vị (Ví dụ: Hệ thống máy tính, hệ thống giám sát camera,...)

- Trong trường hợp đơn vị được cấp sử dụng tài sản nhưng không trực tiếp quản lý tài sản, không hạch toán TSCĐ đó vào báo cáo tình hình tài chính thì đơn vị không kê khai giá trị TSCĐ vào phiếu thu thập thông tin.

- Đối với các TSCĐ dùng chung trong các đơn vị, quy định giá trị TSCĐ thuộc quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán của đơn vị nào sẽ được tính là giá trị TSCĐ cho các đơn vị đó.

10. Trong năm 2025, đơn vị có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ (bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) phục vụ hoạt động SXKD không?

- Đầu tư xây dựng cơ bản (xây dựng trụ sở làm việc, xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho tàng,...): Là việc khảo sát quy hoạch xây dựng công trình, chuẩn bị đầu tư, thiết kế; xây dựng, mua sắm và lắp đặt thiết bị;...

- Mua sắm TSCĐ: Là việc bổ sung thêm TSCĐ trong kỳ và không liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản, bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, không tính giá trị mua TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc.

- Nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ: Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng TSCĐ.

Trường hợp trả lời Có, đơn vị cung cấp thông tin về tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ (bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) - là tổng giá trị bằng tiền thực tế đã đi vào công trình trong năm 2025 và thông tin về tình hình tự thực hiện hoạt động này của đơn vị.

Hoạt động tự thực hiện của đơn vị có thể bao gồm các hoạt động sau:

- + Hoạt động tự nghiên cứu và phát triển;
- + Hoạt động tự thăm dò, khai thác và định giá khoáng sản;
- + Hoạt động tự phát triển phần mềm và dữ liệu;
- + Hoạt động tự sáng tác nguyên tác tác phẩm;
- + Hoạt động tự xây dựng và sửa chữa lớn TSCĐ;
- + Hoạt động tự sản xuất máy móc, thiết bị,...

11. Kết quả hoạt động của đơn vị trong năm 2025?

Đơn vị kê khai thông tin về kết quả hoạt động trong năm 2025 căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động - Mẫu số B02/BCTC và Thuyết minh báo cáo tài chính -

Mẫu số B03/BCTC được quy định cụ thể theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

1. Doanh thu của đơn vị phản ánh số thu hoạt động của đơn vị bao gồm doanh thu từ kinh phí NSNN cấp; doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài; doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại; doanh thu tài chính; doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ; doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các khoản thu nhập khác.

1.1. Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp: Phản ánh doanh thu từ kinh phí NSNN cấp cho hoạt động chung của đơn vị trong năm (trừ kinh phí NSNN giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc hỗ trợ thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN), bao gồm kinh phí NSNN giao tự chủ trong năm; kinh phí NSNN không giao tự chủ trong năm của các cơ quan, đơn vị; kinh phí NSNN cấp cho chi đầu tư của đơn vị dự án, công trình mà đơn vị là chủ đầu tư. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 511 đối ứng với bên Có TK 911.

1.2. Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài: Phản ánh doanh thu trong năm từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài cho đơn vị và doanh thu từ nguồn vay nợ nước ngoài của Chính phủ, chính quyền địa phương mà đơn vị được giao là chủ dự án (trực tiếp điều hành). Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 512 đối ứng với bên Có TK 911.

1.3. Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại: Phản ánh doanh thu của đơn vị được hưởng trong năm từ các khoản thu phí được khấu trừ, để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 514 đối ứng với bên Có TK 911.

1.4. Doanh thu tài chính: Phản ánh doanh thu tài chính mà đơn vị được hưởng trong năm, bao gồm tiền lãi; cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản doanh thu tài chính khác. Đơn vị tham khảo số phát sinh Nợ tài khoản 515 đối ứng với bên Có TK 911.

1.5. Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ: Phản ánh doanh thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị trong năm. Chỉ tiêu này chỉ phát sinh tại đơn vị có khoản thu từ hoạt động nghiệp vụ được phép để lại để sử dụng cho hoạt động của đơn vị theo quy định của cơ chế tài chính. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 518 đối ứng với bên Có TK 911.

1.6. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Phản ánh doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong năm phát sinh tại đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu: Phản ánh doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ do đơn vị thu được trực tiếp từ người thụ hưởng hoặc từ bên khác (ngoài NSNN) trong năm. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 5311 đối ứng với bên Có TK 911.

- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN: Phản ánh doanh thu từ kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh

mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN mà đơn vị nhận từ ngân sách, bao gồm cả kinh phí NSNN giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc hỗ trợ thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định (kinh phí NSNN cấp bù miễn giảm học phí,...). Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 5312 đối ứng với bên Có TK 911.

1.7. Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác của đơn vị phát sinh trong năm, chưa được phản ánh vào các chỉ tiêu doanh thu nêu trên. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Nợ TK 711 đối ứng với bên Có TK 911.

2. Chi phí của đơn vị bao gồm chi phí hoạt động không giao tự chủ; chi phí hoạt động giao tự chủ; chi phí tài chính; giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng, chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; chi phí tài sản bàn giao và các chi phí khác.

Trong tổng chi phí của đơn vị, tách riêng Chi sửa chữa lớn TSCĐ là chi phí sửa chữa quan trọng, có giá trị lớn nhưng không làm tăng nguyên giá TSCĐ và được phản ánh vào chi phí trong kỳ.

Tổng chi phí của đơn vị sẽ được tách thành các mục chi tiết như sau:

2.1. Chi phí hoạt động không giao tự chủ: Phản ánh chi phí phục vụ cho các hoạt động không giao tự chủ của đơn vị trong năm (trừ chi phí hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách theo hình thức giao nhiệm vụ). Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 611 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.2. Chi phí hoạt động giao tự chủ: Phản ánh chi phí trong năm của các hoạt động mà đơn vị được giao tự chủ, bao gồm cả các khoản phân phối từ kinh phí tiết kiệm được cuối kỳ để chi bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi và trích lập các quỹ có tính chất phải trả. Chỉ trình bày số liệu vào chỉ tiêu này đối với đơn vị không có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 612 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.3. Chi phí tài chính: Phản ánh chi phí hoạt động tài chính của đơn vị trong năm, bao gồm các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí liên quan đến việc góp vốn vào đơn vị khác; lỗ chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp vào đơn vị khác; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; lỗ chênh lệch tỷ giá; chi phí giao dịch bán chứng khoán (nếu có); chi phí vay vốn; chiết khấu thanh toán cho người mua; dự phòng tổn thất đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác. Chỉ tiêu này chỉ phát sinh đối với các đơn vị được phép có các hoạt động tài chính theo quy định. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 615 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.4. Giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa bán ra và dịch vụ (hoặc phần dịch vụ) đã hoàn thành trong năm đối với đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định. Trong đó, tách riêng giá vốn hàng bán đối với hoạt động thương mại. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 632 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.5. Chi phí bán hàng: Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ trong năm của đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; bao gồm các chi phí liên quan đến chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm dịch vụ, hoa hồng bán hàng, chi

phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (nếu có), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.... Mục này chỉ phát sinh đối với đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 641 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.6. Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Phản ánh các chi phí quản lý chung trong năm của đơn vị, bao gồm các chi phí của bộ phận thực hiện nhiệm vụ quản lý chung các hoạt động của đơn vị; các khoản phân phối từ chênh lệch thu, chi cuối kỳ của đơn vị theo cơ chế tài chính đề chi bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi và trích lập các quỹ có tính chất phải trả; chi phí quản lý dự án đối với các dự án, công trình mà Ban quản lý dự án đầu tư được giao quản lý theo quy định; chi phí quản lý chung khác của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (nếu có). Mục này chỉ phát sinh đối với đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 642 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.7. Chi phí khác: Phản ánh các khoản chi phí khác trong năm ngoài các khoản chi phí đã phản ánh ở các chỉ tiêu chi phí đã có trên báo cáo kết quả hoạt động. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 811 đối ứng với bên Nợ TK 911.

2.8. Chi phí tài sản bàn giao: Phản ánh chi phí tài sản bàn giao trong năm tại đơn vị kế toán được giao nhiệm vụ mua sắm ấn chỉ, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, TSCĐ để thực hiện cấp phát cho đơn vị kế toán khác trong cùng ngành dọc; hoặc tại Ban quản lý dự án đầu tư khi thực hiện bàn giao dự án, công trình hoàn thành cho cơ quan đơn vị khác quản lý và sử dụng. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 812 đối ứng với bên Nợ TK 911.

Đối với các mục 2.1; 2.2; 2.4 và 2.6, đơn vị bóc tách chi tiết theo bốn mục chi như sau (số liệu được lấy từ Thuyết minh báo cáo tài chính):

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho người lao động: Phản ánh các khoản chi phí trong kỳ để chi trả tiền lương, phụ cấp lương, tiền công và chi khác cho người lao động thường xuyên trong đơn vị theo từng loại hoạt động.

- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ: phản ánh các khoản chi phí trong kỳ về nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và các dịch vụ mà đơn vị đã sử dụng (như điện, nước, điện thoại, thuê ngoài, dịch vụ vệ sinh,...) để thực hiện các hoạt động của đơn vị.

- Chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ trong kỳ phân bổ cho từng hoạt động tương ứng của đơn vị.

- Chi phí khác: phản ánh các khoản chi khác trong kỳ ngoài các khoản chi phí nêu trên phục vụ hoạt động của đơn vị.

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị phát sinh trong năm đối với đơn vị có thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động khác phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Đơn vị tham khảo số phát sinh bên Có TK 821 đối ứng với bên Nợ TK 911; hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 821 đối ứng với bên Có TK 911.

4. Kết quả hoạt động trong năm: Phản ánh kết quả của các hoạt động trong năm của đơn vị, được xác định trên cơ sở số chênh lệch giữa doanh thu trong năm và chi phí trong năm.

5. Điều chỉnh kết quả hoạt động do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước: Chỉ tiêu điều chỉnh để phản ánh chính xác kết quả hoạt động trong năm của đơn vị, được tổng hợp trên cơ sở tính toán của đơn vị đối với các trường hợp phát sinh chi phí trong năm nhưng không có doanh thu tương ứng mà được bù đắp bằng các nguồn lực đơn vị đã tích lũy từ doanh thu những năm trước.

6. Thặng dư/Thâm hụt trong năm bằng chỉ tiêu Kết quả hoạt động trong năm cộng (+) Điều chỉnh kết quả hoạt động do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước.

A5. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM CỦA ĐƠN VỊ

12. Thông tin về các sản phẩm của đơn vị trong năm 2025?

Cột B - Mô tả sản phẩm: Đơn vị mô tả ngắn gọn về toàn bộ sản phẩm vật chất, dịch vụ mà đơn vị tạo ra trong năm 2025.

Cột C - Mã sản phẩm cấp 5: Đơn vị lựa chọn mã sản phẩm tương ứng cho từng sản phẩm vật chất, dịch vụ đã ghi ở cột A theo danh mục sản phẩm VCPA cấp 5 hiển thị tự động trên chương trình.

Cột 1 - Chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh (Triệu đồng) bao gồm: Các chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên; chi về vật tư, dụng cụ và dịch vụ đã sử dụng và giá trị khấu hao/hao mòn TSCĐ cho các sản phẩm vật chất và dịch vụ của đơn vị theo từng sản phẩm vật chất và dịch vụ từ cột A.

Lưu ý: Đơn vị chỉ kê khai thông tin Cột 2 nếu trong năm 2025 đơn vị có phát sinh doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ (mã số 09) tại câu 11.

Lưu ý: Nếu đơn vị chỉ có một sản phẩm duy nhất theo mã sản phẩm VCPA cấp 5 thì không phải kê khai chi phí SXKD ở cột 1.

A6. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA ĐƠN VỊ TRONG NĂM 2025

13. Đơn vị có sử dụng mạng Lan không?

Mạng LAN (Local Area Network) là một hệ thống mạng cục bộ, được thiết kế để kết nối các thiết bị trong một phạm vi địa lý nhỏ, như văn phòng, tòa nhà, trường học hoặc nhà ở. Đây là loại mạng phổ biến nhất, giúp các thiết bị có thể trao đổi dữ liệu nhanh chóng, ổn định với chi phí thấp

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động trong năm 2025 của đơn vị để lựa chọn “Có” hoặc “Không”

14. Đơn vị có sử dụng internet để phục vụ cho hoạt động không?

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động trong năm 2025 của đơn vị để lựa chọn “Có” hoặc “Không”

15. Mục đích sử dụng internet của đơn vị?

Căn cứ vào mục đích sử dụng internet của đơn vị để lựa chọn phương án trả lời phù hợp và có thể chọn cả hai phương án:

Cung cấp/sử dụng các dịch vụ công trực tuyến: Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

Giao dịch với các cá nhân, tổ chức khác: Là việc kết nối mạng internet để thực hiện các giao dịch trực tuyến với ngân hàng (chuyển tiền, thanh toán, tiết kiệm, tiền vay,...); cơ quan thuế (kê khai thuế, quyết toán thuế,...) và các cá nhân, tổ chức khác,...

16. Đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

Trang thông tin điện tử của đơn vị là Website cung cấp thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, hoạt động, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Nếu đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng thì tích chọn “Có” và ghi địa chỉ truy cập vào câu 16.1.

17. Trong năm 2025, đơn vị có sử dụng phần mềm không?

Phần mềm là chương trình máy tính được mô tả bằng hệ thống ký hiệu, mã hoặc ngôn ngữ để điều khiển thiết bị số thực hiện chức năng nhất định, được chia thành 3 loại: Phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và phần mềm lập trình.

18. Trong năm 2025, đơn vị có phát sinh chi phí về công nghệ thông tin nào dưới đây?

Căn cứ tình hình hoạt động của đơn vị để kê khai từng loại chi phí về công nghệ thông tin (CNTT) trong năm 2025, bao gồm chi mua, thuê phần cứng, phần mềm, thuê đường truyền internet, cước điện thoại và chi phí khác liên quan đến CNTT.

Phần cứng bao gồm tất cả những thiết bị vật lý hữu hình nằm ở bên trong và bên ngoài máy tính bao gồm các thiết bị phần cứng nằm bên ngoài như: Màn hình máy tính, bàn phím, chuột máy tính, tai nghe, máy in, máy chiếu, loa, USB,... Những thiết bị nằm bên trong bao gồm: Bộ nguồn, chip CPU, bo mạch chủ mainboard, RAM, ROM, card màn hình card âm thanh, quạt tản nhiệt,....

Phần mềm: Xem giải thích tại câu 17.

Lưu ý: Trong trường hợp khi thực hiện hợp đồng mua sắm thiết bị máy tính, tại hợp đồng mua sắm có tách chi phí phần mềm hệ điều hành thì sẽ bóc tách chi phí phần mềm từ hợp đồng mua sắm. Trường hợp ghi chung một bộ máy tính, không bóc tách được chi phí phần mềm hệ điều hành thì chi phí đó không tính vào chi phí phần mềm.

19. Trong năm 2025, đơn vị có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không?

Nghiên cứu và phát triển (R&D) là các hoạt động mà đơn vị thực hiện để tìm kiếm, khám phá tri thức khoa học hoặc kỹ thuật mới; ứng dụng kết quả nghiên cứu hoặc tri thức khác để thiết kế, sản xuất các nguyên mẫu, mô hình thử nghiệm mới hoặc cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất dịch vụ sẵn có. Trường hợp đơn vị có hoạt động R&D trong năm 2025, kê khai câu 19.1 và 19.2.

20. Trong năm 2025, đơn vị có hoạt động đổi mới sáng tạo nào dưới đây?

Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hiệu quả phát triển kinh tế xã hội.

Căn cứ vào tình hình hoạt động của đơn vị trong năm 2025 để lựa chọn có hay không các hoạt động đổi mới sáng tạo: Đổi mới/cải tiến sản phẩm, dịch vụ; đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động; đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh.

Trường hợp đơn vị có các hoạt động nói trên, đơn vị kê khai tổng chi cho các hoạt động này trong năm 2025 tại câu 20.1.

21. Trong năm 2025, đơn vị có tích hợp và ứng dụng công nghệ số vào hoạt động SXKD không?

Công nghệ số là tập hợp các phương pháp khoa học, quy trình công nghệ, công cụ kỹ thuật để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số.

Mục đích của việc tích hợp và ứng dụng công nghệ số (chuyển đổi số) vào hoạt động SXKD nhằm thay đổi cách thức hoạt động, sản xuất, cung cấp dịch vụ và tương tác với khách hàng, tạo ra những giá trị mới và nâng cao hiệu quả, năng suất.

Trường hợp đơn vị có tích hợp và ứng dụng công nghệ số trong năm 2025, kê khai câu 21.1 và 21.2.

22. Thông tin về sử dụng năng lượng

1. Khối lượng tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm 2025: Là khối lượng năng lượng thực tế tiêu dùng cho hoạt động của đơn vị trong 6 tháng cuối năm 2025.

2. Tổng giá trị tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm 2025: Là số tiền mà đơn vị chi trả cho khối lượng năng lượng đã tiêu dùng trong 6 tháng cuối năm 2025.

Năng lượng điện tiêu dùng cho vận tải: Là năng lượng điện mà đơn vị sử dụng cho hoạt động vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách ra ngoài phạm vi đơn vị, bao gồm cả việc giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ vận tải. Không bao gồm năng lượng sử dụng cho vận chuyển nội bộ trong phạm vi đơn vị (ví dụ: chở nguyên vật liệu từ kho ra xưởng, di chuyển hàng trong khuôn viên nhà xưởng); phần năng lượng đó được xác định là năng lượng tiêu dùng cho sản xuất.

Trường hợp xe sử dụng năng lượng điện vừa phục vụ cho vận tải trong nội bộ đơn vị và vừa vận chuyển hàng hoá trên đường thì phần năng lượng điện tiêu dùng cho vận tải này quy ước là năng lượng tiêu dùng cho vận tải.

Trường hợp phương tiện vận tải của đơn vị chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá trong nội bộ đơn vị và không vận chuyển hàng hoá ra ngoài đơn vị, không xác định phần tiêu dùng năng lượng điện này là năng lượng tiêu dùng cho vận tải.

PHẦN B. THÔNG TIN VỀ TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC ĐỊA ĐIỂM TRỰC THUỘC CỦA ĐƠN VỊ

23. Thông tin về trụ sở chính và các địa điểm của đơn vị?

Nếu đơn vị trả lời Có ở Câu 3, Mục A2 thì đơn vị kê khai thông tin về trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc là các chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm SXKD khác của đơn vị tại câu này; bao gồm các thông tin về tên, địa chỉ, số lao động và sản phẩm vật chất, dịch vụ.

(i) Đối với trụ sở chính:

- Tên và địa chỉ: Hiện thị theo thông tin đơn vị đã kê khai tại phần A1.
- Lao động thời điểm 31/12/2025: Ghi số lao động tham gia vào hoạt động của đơn vị, được đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng tại trụ sở chính.
- Thông tin về sản phẩm (vật chất và dịch vụ):

Cột 1 - Mô tả sản phẩm: Mô tả ngắn gọn về sản phẩm vật chất, dịch vụ mà đơn vị SXKD tại trụ sở chính trong năm 2025. Trụ sở chính của đơn vị có thể có một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau.

Cột 2 - Mã sản phẩm cấp 5: Lựa chọn mã sản phẩm tương ứng cho từng sản phẩm vật chất, dịch vụ đã ghi ở cột 1 theo danh mục sản phẩm VCPA cấp 5 hiện thị tự động trên chương trình.

Cột 3 - Chi phí hoạt động/SXKD: Kê khai chi phí hoạt động/SXKD tương ứng với từng sản phẩm vật chất, dịch vụ đã ghi ở cột F. Chi phí hoạt động/SXKD bao gồm chi về tiền lương, tiền công, chi hàng hóa và dịch vụ đã sử dụng trong kỳ và giá trị khấu hao/hao mòn TSCĐ.

Lưu ý: Đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, địa điểm trực thuộc được xác định theo cả công trình thi công trên cùng một địa bàn xã/phường/đặc khu do đơn vị thực hiện.

(ii) Đối với các địa điểm khác ngoài trụ sở chính:

- Địa chỉ: Ghi đầy đủ thông tin địa chỉ của địa điểm tại cột C, D bao gồm cả trường hợp địa điểm thuộc cùng địa bàn xã/phường/đặc khu với trụ sở chính.
- Các thông tin khác kê khai tương tự như trụ sở chính.

Lưu ý: Một địa điểm của đơn vị có thể có một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau và các địa điểm của đơn vị có thể cùng tạo ra một sản phẩm. Trường hợp nhiều địa điểm cùng tạo ra một sản phẩm, cần bóc tách chi phí hoạt động/SXKD sản phẩm đó theo từng địa điểm đã kê khai ở cột B.

Cột 4 - Doanh thu từ hoạt động SXKD theo sản phẩm: chỉ kê khai khi doanh thu từ hoạt động SXKD mã 09 câu 11 > 0.

C. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SXKD TRỰC THUỘC ĐƠN VỊ

24. Thông tin về các cơ sở SXKD trực thuộc đơn vị?

Cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc là cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và không hạch toán phụ thuộc vào cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (cơ sở có sổ sách theo dõi thu chi riêng,...), được nhà nước cho phép sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để hoạt động.

Trường hợp đơn vị có các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc, đơn vị kê

khai các thông tin của cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc như sau:

- Tên: Ghi đầy đủ tên cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc (cơ sở).
- Địa chỉ: Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ của cơ sở tại cột C, D, E.
- Thông tin người đứng đầu/chủ cơ sở: Ghi đầy đủ họ tên và số điện thoại liên hệ của người đứng đầu/chủ cơ sở tại cột F và cột G.
- Mã số thuế: Kê khai mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cơ sở, trường hợp cơ sở không có mã số thuế, nhập “0”.
- Cột 1: Nhập mô tả sản phẩm, dịch vụ chính (sản phẩm có doanh thu cao nhất) của cơ sở.
- Cột 2: Đơn vị nhập mã sản phẩm, dịch vụ chính bằng cách lựa chọn mã sản phẩm tương ứng theo danh mục sản phẩm VCPA (2025) cấp 5 được hiển thị tự động trên chương trình.
- Cột 3: Đơn vị kê khai số lao động của cơ sở tại thời điểm ngày 31/12/2025.
- Cột 4: Đơn vị kê khai tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở, bao gồm tổng doanh thu của toàn bộ các sản phẩm, dịch vụ của cơ sở trong năm 2025.

THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU: Ghi rõ họ và tên, số điện thoại, email người cung cấp thông tin./.